

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2020

V/v ly hôn và nuôi con chung
giữa anh H và chị N

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Anh Võ Văn H**, sinh năm: 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* **Chị Phan Thị N**, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã L1, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn H, trình bày:* Anh và chị N tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và chị N đã bỏ về nhà cha mẹ vợ sinh sống đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung: Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 22/10/2018; anh H đề nghị chị N nuôi con, anh H cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2019, bị đơn chị Phan Thị N trình bày:*
Về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đúng như anh H nêu. Giữa 02 vợ chồng không có sự mâu thuẫn, chị N chỉ mâu thuẫn với gia đình chồng nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, chị còn thương yêu chồng nên không đồng ý ly hôn, chị N đưa ra giải pháp hàn gắn là chị sẽ quay trở về nhà chồng chung sống.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung: Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 22/10/2018; chị N đồng ý được tiếp tục nuôi con, tại buổi hòa giải này thì chị chưa ra mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Võ Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị N. Chị N là bị đơn hiện đang cư trú tại xã L1, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Chị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N không tham gia. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Văn H và chị Phan Thị N tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 58/2018, ngày 17/4/2018 do tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên và ly thân từ tháng tháng 10/2019 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị N. Theo lời trình bày của chị N thì giữa 02 vợ chồng không có sự mâu thuẫn, chị N chỉ mâu thuẫn với gia đình chồng nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Chị còn thương yêu chồng nên không đồng ý ly hôn, chị N đưa ra giải pháp hàn gắn là chị sẽ quay về chung sống bên gia đình anh H nhưng không được anh H chấp nhận. Tại phiên tòa anh H kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng hôn nhân giữa anh và chị N không thể hàn gắn. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để thông báo cho chị N tham gia xét xử nhưng chị N không đến, điều này chứng minh là chị N không có thiện chí hàn gắn. Do đó, anh H yêu cầu ly hôn là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 22/10/2018; chị N và anh H thống nhất giao con cho chị N tiếp tục nuôi nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao con cho chị N nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nhưng không đưa ra mức cấp dưỡng, anh H tự

nguyên cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Võ Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm; án phí cấp dưỡng nuôi con theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227; 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn H về tranh chấp ly hôn với bị đơn chị Phan Thị N.

Về hôn nhân: Anh Võ Văn H được ly hôn với chị Phan Thị N.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Phan Thị N tiếp tục nuôi con Võ Thị Ngọc T, sinh ngày 22/10/2018, anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 01/2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Võ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001876 ngày 28/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, anh H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An;
-VKSNĐ huyện C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-THA huyện C;
-UBND xã L,
huyện C, tỉnh Long An;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn;
-Các đương sự.

Lê Hữu Lộc